

Số: **11** /2018/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **11** tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng của tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; các Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005 và năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 198/TTr-SNV ngày 16/5/2018 và Báo cáo thẩm định văn bản của Sở Tư pháp số 118/BC-STP ngày 04/5/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

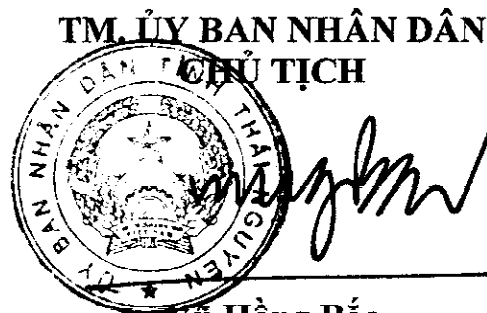
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thi đua, khen thưởng của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018 và thay thế Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định và Hướng dẫn một số nội dung về thi đua, khen thưởng của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; đơn vị thành viên các cụm, khối thi đua trực thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TĐKT TW;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC.



Vũ Hồng Bắc

QUY ĐỊNH

Về thi đua, khen thưởng của tỉnh Thái Nguyên
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 11/6/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể về thi đua, khen thưởng của tỉnh Thái Nguyên, gồm: nguyên tắc thi đua, khen thưởng; nội dung tổ chức phong trào thi đua; xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng; quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Các nội dung về thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, hộ gia đình, cơ quan, đơn vị, tổ chức hợp pháp trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên; cá nhân, tập thể người Việt Nam ở nước ngoài; cá nhân, tổ chức hợp pháp nước ngoài.

Điều 2. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Nguyên tắc thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 2, Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BNV) và các quy định sau:

1. Chú trọng khen thưởng người lao động trực tiếp sản xuất, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu; hộ gia đình, tập thể nhỏ. Đối với danh hiệu thi đua, khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được và khen thưởng theo chuyên đề, theo đợt, số lượng cá nhân đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng là người lao động trực tiếp sản xuất, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu phải đạt tỷ lệ trên 40% tổng số cá nhân được đề nghị khen thưởng.

2. Trong một năm, mỗi cá nhân chỉ đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo công trạng và thành tích đạt được hoặc danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”.

3. Tập thể, cá nhân đã được khen thưởng cấp nhà nước thì sau 02 năm mới được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen theo công trạng và thành tích đạt được nếu đủ tiêu chuẩn; sau 03 năm mới được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” nếu đủ tiêu chuẩn.

4. Trong một năm không tặng quá 02 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho một đối tượng là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị thành viên khối thi đua trực thuộc tỉnh; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp huyện, trừ các trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất.

5. Người phát động phong trào thi đua thực hiện khen thưởng là chủ yếu; trường hợp có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua, có sức lan tỏa lớn trong phạm vi toàn tỉnh mới đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề hoặc thi đua theo đợt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ trưởng đơn vị phát động, chỉ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng khi sơ kết, tổng kết từ 03 năm trở lên và có kế hoạch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) ngay từ khi phát động.

6. Không khen thưởng cấp tỉnh cho tập thể, cá nhân khi đơn vị thuộc tỉnh sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định, đề án; tập thể, cá nhân tham gia phục vụ đại hội, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, lễ hội... Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương II **TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA**

Điều 3. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Căn cứ chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, các cơ quan, địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức phát động thi đua với nội dung và hình thức phù hợp:

1. Xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể, đảm bảo bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của từng đơn vị hoặc cụm, khối thi đua, nhất là những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, phù hợp với thực tế và có tính khả thi.

2. Lựa chọn chủ đề, tên gọi, khẩu hiệu của phong trào thi đua, đảm bảo ý nghĩa, súc tích, ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thực hiện.

3. Tổ chức ký kết giao ước thi đua giữa các đơn vị thành viên cụm, khối thi đua; giữa các tập thể và các cá nhân thuộc đơn vị để có sự thống nhất cao trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

4. Phát động, tổ chức thi đua với phương pháp, hình thức phong phú, đa dạng, thiết thực, phù hợp với phạm vi, đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, điều kiện, khả năng của đối tượng tham gia thi đua. Chú trọng công tác chỉ đạo điềm; phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua; giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình trong hoạt động thực tiễn.

5. Tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của phong trào thi đua; nêu cao vai trò chủ động, tích cực, trách nhiệm, tự giác của tập thể, cá nhân tham gia thi đua; vai trò của người đứng đầu trong tổ chức, tham gia phong trào thi đua.

6. Kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc tham gia thực hiện phong trào thi đua của các tập thể, cá nhân, đảm bảo thi đua thường xuyên, liên tục, đúng mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung đề ra.

7. Sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả phong trào thi đua; tổ chức đánh giá, phân loại, xếp hạng kết quả thi đua đối với các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý. Lựa chọn chính xác, công khai, công bằng để khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.

Điều 4. Xây dựng tiêu chí thi đua, đăng ký thi đua

1. Xây dựng tiêu chí thi đua

Căn cứ nội dung, chỉ tiêu thi đua, các cụm, khối thi đua, các đơn vị xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thi đua đối với tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu, nội dung đề ra, tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua, làm căn cứ đánh giá, phân loại, xếp hạng kết quả thi đua.

2. Đăng ký thi đua

a) Tập thể, cá nhân thực hiện đăng ký thi đua khi tham gia phong trào thi đua. Nội dung đăng ký thi đua gồm: các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ công tác trọng tâm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng phấn đấu đạt được của tập thể, cá nhân.

b) Đơn vị thành viên các cụm, khối thi đua trực thuộc tỉnh đăng ký thi đua với Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng), đồng thời gửi đơn vị cụm trưởng, khối trưởng để tổng hợp trước 28 tháng 02 hàng năm, riêng các khối thi đua hoạt động theo năm học gửi trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

Điều 5. Thi đua theo cụm, khối

1. Thi đua theo cụm, khối là một phương pháp tổ chức phong trào thi đua, qua đó phát huy sức mạnh đoàn kết, thế mạnh của từng đơn vị thành viên trong tuyên truyền, triển khai và tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước nhằm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ của các đơn vị thành viên và của tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập cụm, khối thi đua trực thuộc tỉnh; quyết định đối tượng tham gia, số lượng, tên gọi của cụm, khối thi đua thuộc các đơn vị trực thuộc tỉnh.

3. Các cụm, khối thi đua tổ chức và hoạt động theo Quy chế do Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức phát động, tuyên truyền, triển khai, tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên, tổ chức xã hội khác cùng cấp để phát động, chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác ở các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức hoặc phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

b) Phối hợp thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

c) Giám sát thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện tốt quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Cơ quan truyền thông thường xuyên tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phản ánh kết quả phong trào thi đua; phát hiện, phổ biến, biểu dương, tôn vinh, nêu gương điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua, gương người tốt, việc tốt; đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng hàng năm cho các tập thể theo quy định tại Điều 25, Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 11, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (Sau đây gọi tắt Nghị định số 91/2017/NĐ-CP).

2. Việc phân bổ số lượng tập thể được xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” do Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tham mưu và hướng dẫn thực hiện hàng năm theo hướng dẫn của Trung ương.

Điều 8. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Tiêu chuẩn:

Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm cho các tập thể theo quy định tại Điều 26, Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 12, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Đối tượng:

Các tập thể được bình xét, suy tôn theo các khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

3. Số lượng:

a) Số lượng đơn vị thành viên cụm, khối thi đua trực thuộc tỉnh được đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Số lượng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” tặng cho các đơn vị thành viên khối thi đua thuộc các đơn vị trực thuộc tỉnh do Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tham mưu và hướng dẫn thực hiện hàng năm, bảo đảm công bằng giữa các cụm, khối thi đua.

Điều 9. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Tiêu chuẩn:

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho các tập thể theo quy định tại Điều 27, Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Đối tượng:

a) Phòng và tương đương phòng trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

b) Phòng, ban, đoàn thể cấp huyện và tương đương; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng thuộc đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; trực thuộc huyện, thành phố, thị xã.

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã... và các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã có con dấu và tài khoản.

3. Số lượng: Số lượng tập thể được đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 30% số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 điều này.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”

a) Tiêu chuẩn: Thực hiện theo quy định tại Điều 23, Luật Thi đua, Khen thưởng và Khoản 3, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Số lượng: Số lượng cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến” (được làm tròn số theo nguyên tắc toán học).

2. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”

a) Tiêu chuẩn: Thực hiện theo quy định tại Điều 22, Luật Thi đua, Khen thưởng và Khoản 2, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Số lượng: Số lượng cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” chiếm tỷ lệ không quá 70% tổng số cá nhân đủ tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Chương IV HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 11. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để tặng cho tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo quy định tại Điều 71, Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 38, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có đóng góp lớn về công sức, đất đai, tài sản cho địa phương, xã hội thực hiện theo hướng dẫn hàng năm của Trung ương và của tỉnh.

Điều 12. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo công trạng và thành tích đạt được xét tặng cho tập thể, cá nhân theo quy định tại Điều 72, Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, với số lượng như sau:

a) Đối với tập thể:

Số lượng tập thể là thành viên cụm, khối thi đua trực thuộc tỉnh: Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và Quy chế hoạt động cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Số lượng tập thể thuộc đơn vị trực thuộc tỉnh: Không quá 30% tổng số tập thể 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Đối với cá nhân:

Số lượng cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không quá 20% tổng số cá nhân 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

c) Đối với công nhân, nông dân:

Tiêu chuẩn công nhân, nông dân được đề nghị khen thưởng: Thực hiện theo quy định tại Điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP hoặc có 01 sáng kiến được áp dụng mang lại hiệu quả cao và được công nhận theo quy định hiện hành về xét, công nhận sáng kiến cấp cơ sở.

Số lượng công nhân, nông dân được đề nghị khen thưởng: Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng).

2. Khen thưởng đột xuất: Thực hiện theo Khoản 3, Điều 13, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 9, Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

3. Khen thưởng đối ngoại: Thực hiện theo Khoản 6, Điều 13, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. Khen thưởng cho hộ gia đình: Hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội với giá trị tối thiểu bằng mức thu nhập bình quân một năm trên một người của đơn vị hành chính cấp huyện.

5. Khen thưởng trong phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt: Thực hiện theo quy định, quy chế thi đua, khen thưởng trong phong trào thi đua theo chuyên đề, thi đua theo đợt do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 13. Các hình thức động viên

1. Ngoài các hình thức khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, tùy theo đặc điểm thực tiễn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện gửi Thư khen, tặng Cờ lưu niệm, thưởng tiền, tặng quà, công nhận điển hình tiên tiến tiêu biểu và các hình thức động viên khác để kịp thời động viên các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, công tác hoặc có việc làm thiết thực giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có công với cách mạng; hỗ trợ, đóng góp trí tuệ, công sức, vật chất mang lại nhiều giá trị lợi ích cho tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cộng đồng xã hội.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng tập thể, cá nhân được nhận các hình thức động viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định.

Chương V

XÉT, TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 14. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, Bằng khen.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, và Giấy khen; danh hiệu thi đua đối với xóm và tương đương.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động, hộ gia đình thuộc phạm vi quản lý của cấp xã; danh hiệu “Gia đình văn hóa” và Giấy khen.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định các hình thức động viên.

7. Đối với lực lượng Công an xã và Ban bảo vệ dân phố

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” và Giấy khen.

Điều 15. Xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo Điều 10, Luật Thi đua, Khen thưởng.

Lấy kết quả công tác để đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được.

2. Việc biểu quyết thông qua danh sách đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

a) Hình thức biểu quyết: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín. Trường hợp thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu.

b) Số phiếu đồng ý đủ điều kiện để đề nghị tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Thực hiện theo quy định tại khoản 8, Điều 45, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng chưa được quy định tỷ lệ phiếu đồng ý tại Khoản 8, Điều 45, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP: Số

phiếu đồng ý phải đạt từ 70% trở lên trên tổng số phiếu của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

3. Một số quy định chung về xét khen thưởng

a) Khen thưởng đúng thành tích; không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau; ưu tiên thành tích đạt được trong điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, phạm vi ảnh hưởng lớn; không khen trùng (cùng một đối tượng, một thành tích, không nhiều chủ thể đề nghị một cấp khen thưởng).

b) Khi xét khen thưởng người đứng đầu một tập thể phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý. Chỉ xem xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được cấp nhà nước và cấp tỉnh đối với người đứng đầu khi tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

c) Chỉ lấy hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được làm điều kiện, tiêu chuẩn để xét tặng hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được cấp nhà nước.

d) Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề và các khen thưởng của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương được ghi nhận và ưu tiên khi xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được; không được tính làm điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được cấp nhà nước.

Điều 16. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp nhà nước, cấp tỉnh

1. Khen thưởng cấp nhà nước

a) Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:

Tập thể, cá nhân xét khen thưởng theo năm học: Trước ngày 05 tháng 8 hàng năm.

Tập thể, cá nhân khác: Trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

b) Danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ

Tập thể xét khen thưởng theo năm học: Trước ngày 05 tháng 8 hàng năm.

Tập thể khác: Trước ngày 10 tháng 01 hàng năm.

c) Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”: Trước ngày 05 tháng 8 hàng năm.

2. Khen thưởng cấp tỉnh

a) Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo công trạng và thành tích đạt được:

Tập thể, cá nhân xét khen thưởng theo năm học: Trước ngày 05 tháng 8 hàng năm.

Tập thể, cá nhân khác: Trước ngày 10 tháng 01 hàng năm.

b) Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”:

Tập thể, cá nhân xét khen thưởng theo năm học: Trước ngày 05 tháng 8 hàng năm.

Tập thể, cá nhân khác: Trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

Điều 17. Tuyến trình khen thưởng

Thực hiện theo Điều 46, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và theo các quy định sau:

1. Danh hiệu thi đua thường xuyên, khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được

a) Đơn vị thành viên các cụm, khối thi đua trực thuộc tỉnh

Khen thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” và khen thưởng cấp tỉnh cho tập thể thành viên các khối thi đua trực thuộc tỉnh: Đơn vị cụm trường, khối trường thay mặt cụm, khối thi đua trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

Khen thưởng cấp nhà nước khác cho tập thể thuộc tỉnh là thành viên các cụm, khối thi đua trực thuộc tỉnh; khen thưởng cấp nhà nước và khen thưởng cấp tỉnh cho tập thể, cá nhân thuộc tập thể đó: Do người đứng đầu tập thể đó trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng); Tập thể là bệnh viện, trung tâm y tế tuyến tỉnh và tập thể, cá nhân thuộc tập thể đó do Giám đốc Sở Y tế trình.

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách ở cấp huyện: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

c) Các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, hợp tác xã không là thành viên khối thi đua trực thuộc tỉnh

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở đóng trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

d) Lực lượng Công an xã, ban bảo vệ dân phố: Thực hiện theo quy định của Bộ Công an.

đ) Đối với các tổ chức khác: Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) đối với các tổ chức thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý.

2. Khen thưởng theo chuyên đề, theo đợt

a) Cấp phát động phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Cơ quan thường trực phong trào thi đua chuyên đề xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp (qua cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp) khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Điều 18. Hiệp y khen thưởng cấp tỉnh

Việc hiệp y khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 47, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) lấy ý kiến hiệp y của cơ quan, tổ chức cấp tỉnh có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng cấp nhà nước và cấp tỉnh là các đối tượng:

a) Tập thể là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp là thành viên khối thi đua trực thuộc tỉnh và người đứng đầu các tập thể đó;

b) Tập thể là đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;

c) Tập thể là thành viên cụm, khối thi đua trực thuộc huyện, thành phố, thị xã.

2. Khi có văn bản của Sở Nội vụ về việc lấy ý kiến hiệp y khen thưởng, sau 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), cơ quan, tổ chức được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Sau thời hạn trên, nếu không có ý kiến trả lời, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) sẽ tiến hành các thủ tục trình khen thưởng theo quy định.

Điều 19. Tổ chức trao tặng các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cấp nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 44, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Đơn vị tổ chức buổi lễ xây dựng kịch bản lễ đón nhận báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) trước ngày diễn ra buổi lễ 05 ngày làm việc.

2. Các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua phải được tổ chức trao tặng, đón nhận trang trọng, tiết kiệm, kịp thời nhằm động viên, tôn vinh tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.

3. Việc tổ chức Lễ trao tặng các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua do nước ngoài tặng cho tập thể, cá nhân thuộc tỉnh: Sở Ngoại vụ là cơ quan thường trực, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương tổ chức Lễ trao tặng đảm bảo đúng quy định.

Điều 20. Thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp nhà nước, cấp tỉnh

1. Thủ tục, số lượng hồ sơ thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và hướng dẫn của Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng), bảo đảm yêu cầu của công tác thẩm định và lưu trữ hồ sơ ở các cấp.

2. Khi trình khen thưởng, các cơ quan, tổ chức, đơn vị đồng thời gửi hồ sơ điện tử đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng), trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

3. Các văn bản trong hồ sơ đề nghị khen thưởng có từ 02 tờ trở lên phải có dấu giáp lai của cơ quan trực tiếp lập hồ sơ.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 21. Kiểm tra, giám sát

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tham mưu xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng nhằm kịp thời bổ sung biện pháp nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh.

2. Các cụm, khối thi đua, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tỉnh thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Điều 22. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 63, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định thành lập và chỉ đạo hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 23. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng, quản lý hiện vật khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ đề nghị khen thưởng; quản lý hiện vật khen thưởng; thống kê theo dõi các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cấp nhà nước, cấp tỉnh; thực hiện nộp hồ sơ vào lưu trữ lịch sử và lưu trữ cơ quan theo quy định.

2. Các cơ quan, địa phương, đơn vị có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ đề nghị khen thưởng; quản lý hiện vật khen thưởng; thống kê theo dõi các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền; thực hiện nộp hồ sơ vào lưu trữ lịch sử và lưu trữ cơ quan theo quy định.

3. Hồ sơ thi đua, khen thưởng được lưu trữ trên giấy và lưu trữ điện tử theo quy định hiện hành.

Điều 24. Quỹ thi đua, khen thưởng; mức tiền thưởng

1. Việc lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng; mức tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 64 đến Điều 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Mức tiền thưởng cho hộ gia đình được khen thưởng bằng mức tiền thưởng cho cá nhân đối với hình thức khen thưởng tương ứng.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của các cấp, các ngành

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức hiệu quả phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực; thực hiện tốt công tác khen thưởng và các nhiệm vụ khác về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cấp, các ngành triển khai thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy định này, thủ trưởng đơn vị trực thuộc tỉnh xây dựng quy định, quy chế thi đua, khen thưởng của đơn vị theo thẩm quyền cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có nội dung chưa phù hợp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. /..



Vũ Hồng Bắc

